

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2026/HNGĐ-PT

Ngày 09 - 9 - 2026

“V/v tranh chấp xin ly hôn”

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Thành.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Sơn.

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2026/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2026 về việc “Tranh chấp xin ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 28/2026/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 32/2026/QĐ-PT ngày 28 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1979, (có mặt);

Số Căn cước công dân: 026079007018;

Địa chỉ: Thôn Y, xã X, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông M: Bà Phan Thị Kim L - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P (Chi nhánh S), (có mặt);

Địa chỉ: Đường T, phường V, tỉnh Phú Thọ.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1973, (có mặt);

Số Căn cước công dân: 026173006658;

Địa chỉ: Thôn Y, xã X, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L1: Ông Lê Văn D - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P, (có mặt);

Địa chỉ: Đường N, phường V, tỉnh Phú Thọ.

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn M - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 10 năm 2025 và những lời khai tiếp theo, lời trình bày tại tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị L1 đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 16/01/2001, tại UBND thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã X, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn, bà L1 về làm dâu chung sống cùng ông và cụ Trần Thị T, ba mẹ con chung sống từ năm 2001 đến nay. Quá trình chung sống, thời gian đầu hai vợ chồng hạnh phúc sau đó đến tháng 4/2023 bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, nhiều lần cãi vã, ông chỉ ném đồ vật chứ không tác động vật lý. Còn bà L1 lại nói lời thách thức ông, cứ khoảng 10 ngày lại chửi mẹ ông và ông 02 lần. Bà L1 cho rằng ông ly hôn do ông nợ tiền muốn bán đất của mẹ ông để trả nợ nên bà L1 không đồng ý, tuy nhiên ông đã bán nửa thửa đất vào ngày 20/10/2024 để trả nợ số tiền của ông là 700.000.000 đồng và trả nợ cho con trai ông là Nguyễn Văn Đ là 300.000.000 đồng nên lời bà L1 nói ông muốn bán nhà đất để trả nợ nhưng bà không đồng ý nên ông M mới làm đơn ly hôn bà là không đúng. Nay ông không thể chung sống cùng vợ được. Ông đề nghị Tòa án cho ông ly hôn với bà Nguyễn Thị L1.

Ông bị bệnh và điều trị tâm thần tại bệnh viện T1 và Bệnh viện Đa khoa tỉnh V (cũ) từ năm 1999. Năm 2013, ông được cấp Giấy xác nhận khuyết tật và hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng từ năm 2013 đến nay. Bà L1 cũng bị bệnh tâm thần và được Ủy ban nhân dân thị trấn T cấp Giấy xác nhận khuyết tật từ năm 2013, hàng tháng cũng được hưởng trợ cấp xã hội. Ông và bà L2 đều bị tâm thần ở mức độ nhẹ, trong người vẫn cảm nhận có khác thường nhưng không đến mức bị phát bệnh, vẫn lao động, làm việc bình thường.

Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung là Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 05/7/2001 và Nguyễn Nguyệt N, sinh ngày 01/8/2007, hiện cháu Đ đã tốt nghiệp đại học đang đi làm ở Hà Nội, còn cháu N hiện đang học Đại học. Cả 2 cháu đều phát triển tâm sinh lý bình thường, không có vấn đề gì nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: đều không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Vợ chồng ông M, bà L1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; về con chung; tài sản chung ông M không đề nghị giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L1 trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện có thực hiện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã X, tỉnh Phú Thọ) vào ngày 16/01/2001. Sau kết hôn bà về làm dâu chung sống cùng mẹ ông M là cụ Trần Thị T, ba mẹ con chung sống từ năm 2001 đến nay. Quá trình chung sống hai vợ chồng đầm ấm hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Nguyên nhân ông M làm đơn ly hôn do ông M nợ tiền muốn bán nhà đất của mẹ chồng bà là cụ Trần Thị T để trả nợ nhưng bà không đồng ý nên ông M mới làm đơn ly hôn bà. Hiện nay vợ chồng bà vẫn sống chung nhà với nhau, vẫn ăn cơm và sinh hoạt vợ chồng cùng nhau nên bà đề nghị Tòa án hoà giải để vợ chồng đoàn tụ với nhau, cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung là Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 05/7/2001 và Nguyễn Nguyệt N, sinh ngày 01/8/2007, hiện cháu Đ đã tốt nghiệp đại học đang đi làm ở Hà Nội, còn cháu N hiện đang học Đại học. Cả 2 cháu đều phát triển tâm sinh lý bình thường, không có vấn đề gì nếu ly hôn bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: đều không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà bị bệnh và điều trị bệnh tâm thần tại bệnh viện từ năm 17 tuổi đến nay. Từ năm 2013 thì được thị trấn T cấp Giấy xác nhận khuyết tật và hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng từ năm 2013 đến nay. Ông M cũng bị bệnh tâm thần và được cấp giấy xác nhận khuyết tật từ tháng 12/2023 và hàng tháng cũng được hưởng trợ cấp xã hội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Mâu thuẫn vợ chồng giữa ông M, bà L1 chưa đến mức trầm trọng, ông bà vẫn ở chung nhà, cùng nhau lo toan công việc gia đình và cùng nhau nuôi dạy con cái nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông M.

Tại phiên tòa sơ thẩm 02 con chung của ông M, bà L1 là anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Nguyệt N trình bày: Ông M, bà L1 không có mâu thuẫn gì với nhau. Hiện nay ông bà vẫn chung sống cùng nhà. Bà L1 hàng ngày vẫn chăm lo cơm nước, chăm bà Trần Thị T nằm liệt giường không đi lại được khi bà còn sống. Đến khi bà chết thì bà L1 cùng ông M lo ma chay, rồi lo đám 50 ngày cho bà T. Ông M, bà L1 không có mâu thuẫn gì với nhau, ông M làm đơn ly hôn bà

L1 là do người ngoài xúi giục tác động là con anh chị không mong muốn bố mẹ ly hôn nên đề nghị Tòa án hòa giải để ông M, bà L1 về đoàn tụ với nhau.

Tại Bản án sơ thẩm số 28/2026/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Văn M đối với bà Nguyễn Thị L1. Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị L1 tiếp tục là vợ chồng.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Do yêu cầu ly hôn không được chấp nhận nên các vấn đề về con chung, tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp không xem xét, giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/7/2026 nguyên đơn là ông Nguyễn Văn M có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị L1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

- Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút kháng cáo nhưng sửa nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị L1.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông M là bà Phan Thị Kim L phát biểu quan điểm: Ông M và bà L1 có 2 con đã lớn, ông bà mâu thuẫn từ năm 2023, nhiều lần cãi, chửi nhau, ông M tha thiết xin được ly hôn vì không thể tiếp tục chung sống cùng bà L1 được nữa. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ông M được ly hôn bà L1.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L1 là ông Lê Văn D phát biểu quan điểm: Mâu thuẫn vợ chồng giữa ông M và bà L1 chưa đến mức trầm

trọng, vợ chồng vẫn chung sống với nhau, chưa báo giờ ly thân, các con của ông bà Minh L3 đều tha thiết đề nghị bố mẹ tiếp tục chung sống với nhau. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn M, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 28/2026/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Phú Thọ.

Về án phí phúc thẩm: Đề nghị xét xử theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn M làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo của bị đơn:

Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị L1 đã đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã X, tỉnh Phú Thọ) cấp giấy chứng nhận kết hôn cho các bên theo đúng theo quy định của pháp luật. Hôn nhân giữa ông M và bà L1 là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn: Ông M cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 4/2023 do bất đồng quan điểm, cãi vã và bà L1 có lời lẽ thách thức, xúc phạm chồng và mẹ chồng. Ngược lại, bà L1 khẳng định cuộc sống vợ chồng vẫn đầm ấm, hạnh phúc, nguyên nhân ông M nộp đơn ly hôn xuất phát từ việc ông M muốn bán đất của mẹ chồng để trả nợ nhưng bà L1 không đồng ý. Kết quả xác minh tại địa phương cho thấy trong quá trình chung sống, hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, thỉnh thoảng cãi nhau phải báo chính quyền thôn xóm đến can ngăn. Điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng có những bất đồng nhất định.

Tại phiên tòa, ông M xác định mâu thuẫn vợ chồng rất căng thẳng và kiên quyết xin ly hôn, nhưng căn cứ lời khai của các đương sự, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm của các con chung, kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Hiện nay ông M và bà L1 vẫn đang cùng chung sống dưới một mái nhà. Hai ông bà vẫn

duy trì sinh hoạt gia đình và cùng nhau lo toan công việc gia đình, nuôi cháu N ăn học.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa ông M và bà L1 chỉ là những bất đồng trong đời sống sinh hoạt hàng ngày, chưa đến mức trầm trọng. Trên thực tế, hai ông bà vẫn duy trì cuộc sống chung, sinh hoạt vợ chồng bình thường và bà L1 vẫn có nguyện vọng mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái, ổn định cuộc sống. Các con của ông bà cũng mong muốn ông bà đoàn tụ vợ chồng. Lý do ông M đưa ra để xin ly hôn là chưa có tính thuyết phục, chưa đủ căn cứ chứng minh tình trạng hôn nhân đã trầm trọng.

Bản án sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của ông M là nhân văn, có căn cứ, đúng pháp luật, phù hợp tình trạng hôn nhân của ông M và bà L1 nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông M, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông M, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên ông M phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm theo quy định khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, ông M là người khuyết tật và ngày 09/9/2026 có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn án phí phúc thẩm cho ông M.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn M.
2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 28/2026/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Phú Thọ.
3. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Miễn án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn M. Hoàn trả ông Nguyễn Văn M 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, đã nộp theo

Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001176 ngày 30/7/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND Khu vực 8 – Phú Thọ;
- Phòng THADS Khu vực 8 - Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vĩnh Thành